TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **633**/2026/DS-PT
Ngày: 27 - 7 - 2026
V/v tranh chấp "*Chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ di dời mồ mã*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán:Ông Đinh Chí Tâm.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Hồng Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:*** Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 và 27 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2026/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "*Chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ di dời mồ mã*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1057/2026/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 6 T, tổ A, khu phố H phường L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị U, sinh năm 1964. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1971. (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 6 T, tổ A, khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

1.3. Ông Nguyễn Hồng T, sinh năm 1973. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 2 H, khu phố C, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1977. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: 6 Đường A, phường H, thành phố Hồ Chí Minh.

1.5. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1983. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố L, phường S, tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: 6 T, khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T1: Ông Nguyễn Hữu T2- Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (có mặt)

Địa chỉ: B T, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập*****:**

JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 6 T, khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T3: Bà Phan Thị U, Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đ. (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố I, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T1; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3).

(Ông B, bà U, ông T2, bà T1 có mặt; Các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Ông B, bà L, bà N, ông H, ông T là con của ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1944, mất năm 1995 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945, mất năm 2014. Cha mẹ ông B có 07 người con gồm Nguyễn Văn H2, mất năm 1992 (không vợ con), Nguyễn Quang H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Thanh N.

Ông nội ông B tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1921, mất năm 2002, bà nội tên Nguyễn Thị B2, sinh năm 1923, mất năm 1997. Bà T1, bà M và cha ông B là

anh chị em ruột. Ông bà nội ông B có ba người con gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1 và cha ông B là ông Nguyễn Văn X.

Ông bà nội ông B mất có để lại khối tài sản gồm nhà đất tại 6 T, khu phố H, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp). Vào năm 2006, hai cô của ông B đã tự ý làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công mà không thông báo cho ông B biết cũng không nêu đầy đủ người thừa kế. Vì vậy, khi giải quyết vụ án, Tòa án đã không đưa anh em ông B vào tham gia tố tụng. Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 97/2006/QĐDST-DS ngày 27/12/2006, bà T1 và bà M đã được phân chia nhà đất, không bao gồm phần đất đã chuyển nhượng cho người khác. Cụ thể, bà Nguyễn Thị T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m², tại khu phố H, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/8/2007. Trên đất hiện có 06 ngôi mộ của người thân của ông B như cha, anh ruột, bác, bà nội, bà cố, 01 người con cô.

Việc phân chia di sản thừa kế của ông bà nội ông B theo Quyết định số 97/2006/QDST-DS ngày 27/12/2006 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, làm mất đi quyền thừa kế mà anh em ông B được pháp luật bảo vệ. Do đó, căn cứ Điều 662 Bộ luật dân sự, trong trường hợp xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Do anh em ông B không thỏa thuận được nên khởi kiện yêu cầu được nhận phần di sản của ông bà nội mà anh em ông B được hưởng từ cha các ông bà. Phần di sản được nhận là trọn thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2, tại khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp (phần đất có mộ của cha, anh ông B). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Theo đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28294.08.126, tờ bản đồ số 08, diện tích: 76,8m², mục đích sử dụng: đất nghĩa địa, nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, đất tại Khu phố C, Phường C, thị xã G, tỉnh Tiền Giang (nay là Khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H04068V-P.3 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 31/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Tuyết . Trên thửa đất này hiện nay có 02 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn X (chết năm 1995, cha ruột của các nguyên đơn) và ông Nguyễn Văn H2 (con ông X, chết năm 1992) và 01 ngôi nhà tiền chế do bà xây cất và hiện nay bà đang sinh sống trên thửa đất này, ngoài ra không còn ai khác sinh sống trên thửa đất này.

Bà được nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28294.08.126, tờ bản đồ số 08 này theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 97/2006/QDST-DS ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Trước đây, thửa đất này nằm trong khu vực có lối đi là đường đất có bề rộng chưa được 2m. Sau này, khu vực Ao Thiếc giải tỏa, thửa đất này là đất nghĩa địa không còn phù hợp với quy hoạch đất đai của địa phương nên bà có nhiều lần thỏa thuận với các con ông X di dời phần mộ của ông X và ông H2 để an táng nơi khác hoặc hỏa táng nhưng các con ông X không đồng ý mà còn chửi bới, xúc phạm bà, dùng sơn viết chữ đất tranh chấp lên bức tường của nhà giáp ranh làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Tổng tài sản bà được chia thừa kế theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 97/2006/QDST-DS ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang là 58.000.000 đồng là số tiền chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Duy T4 (sau khi đã trừ đi số tiền chuyển nhượng đất cho bà Kim A và bà C mà trước đây ba mẹ bà đã chuyển nhượng) và diện tích đất 76,8m^2, thửa đất 126. Trong số tiền 58.000.000 đồng bà nhận được bà phải nuôi ba bà là ông Nguyễn Văn B1 trong thời gian ông bệnh nằm 06 năm, thời điểm này mẹ bà đã chết. Tổng số tiền bà nuôi ba bệnh do thời gian đã lâu bà không nhớ là bao nhiêu, bà không chứng minh được.

Theo yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, bà không đồng ý vì đây không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn X. Đồng thời, bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Nguyễn Thanh B, Nguyễn Quang H, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh N phải di dời hai ngôi mộ của ông Nguyễn Văn X và ông Nguyễn Văn H2 ra khỏi thửa đất số 28294.08.126, tờ bản đồ số 08 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H04068V-P.3 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 31/8/2007 cho bà Nguyễn Thị Tuyết . Thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Nguyễn Thị M trình bày:

Cha bà tên Nguyễn Văn B1, sinh năm 1921, mất năm 2002; Mẹ là Nguyễn Thị B2, sinh năm 1923, mất năm 1997. Cha, mẹ có 03 người con gồm: Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Văn X mất năm 1995 (có vợ bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945, mất năm 2014) có có 07 người con gồm: Nguyễn Văn H2, mất năm 1992 (không vợ con); Nguyễn Quang H, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Hồng T, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Thị Thanh T3, Nguyễn Thị Thanh N.

Cha, mẹ bà mất có để lại khối tài sản gồm nhà đất tại 6 T, khu phố H, phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Vào năm 2006, bà và bà Nguyễn Thị T1 đã có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân thị xã Gò Công trước đây mà không thông báo cho Tòa án biết đầy đủ người thừa kế của cha, mẹ bà trong đó có ông Nguyễn Văn X. Tổng số tiền mặt bà được chia là 20.000.000 đồng, đã trừ đi các diện tích và tiền ba mẹ bà đã chuyển nhượng trước đó.

Vì vậy, khi giải quyết vụ án, Tòa án đã không đưa các đồng nguyên đơn vào tham gia tố tụng để thể hiện ý kiến và yêu cầu chia di sản. Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 97/2006/QĐST-DS ngày 27/12/2006, bà và bà T1 đã được phân chia nhà đất, không bao gồm phần đất đã chuyển nhượng cho người khác. Bà Nguyễn Thị T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m², tại khu phố H, Phường B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/8/2007 là thửa đất các nguyên đơn đang tranh chấp. Trên đất hiện có 06 ngôi mộ của người thân bà như nguyên đơn đã trình bày trong đơn khởi kiện.

Bà đồng ý theo yêu cầu của các đồng nguyên đơn.

Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trong quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập trình bày:

Bà T3 là con của ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1944, mất năm 1995 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945, mất năm 2014. Quan hệ nhân thân của bà như nguyên đơn trình bày là đúng.

Ông bà nội bà mất có để lại khối tài sản gồm nhà đất như nguyên đơn trình bày. Vào năm 2006, hai cô của bà đã tự ý làm đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế tại Tòa án mà không thông báo cho bà biết cũng không nêu đầy đủ người thừa kế. Vì vậy, khi giải quyết vụ án, Tòa án đã không đưa bà vào tham gia tố tụng. Theo quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 97/2006/QĐDST-DS ngày 27/12/2006, hai cô bà đã được phân chia nhà đất, không bao gồm phần đất đã chuyển nhượng cho người khác. Cụ thể, bà Nguyễn Thị T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m², tại khu phố H, Phường B, Thành phố G, tỉnh Tiền Giang vào ngày 31/8/2007. Trên đất hiện có hai ngôi mộ của cha và anh ruột bà.

Việc phân chia di sản thừa kế của ông bà nội bà theo Quyết định số 97/2006/QDST-DS ngày 27/12/2006 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của bà, làm mất đi quyền thừa kế mà bà được pháp luật bảo vệ. Do đó, căn cứ Điều 662 Bộ luật dân sự, trong trường hợp xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Yêu cầu được nhận phần di sản của ông bà nội mà bà T3 được hưởng từ cha bà. Phần di sản được nhận là trọn thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2, tại khu phố H, Phường C, Thành phố G, tỉnh Tiền Giang (phần đất có mộ của cha và anh bà T3). Trong trường hợp bà T1 để lại hai ngôi mộ của ông X và ông H2 không di dời thì bà T3 không yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2, tại khu

phố H, phường C, thành phố G, tỉnh Tiền Giang nay là khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Căn cứ các Điều 281, Điều 620, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N về việc yêu cầu chia di sản là thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 36,9m^2 trong tổng diện tích 76,8m^2, đất tại khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N di dời hai ngôi mộ ra khỏi thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2, đất tại khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà J (Nguyễn Thị Thanh T3).

3.1/ Chia cho bà J (Nguyễn Thị Thanh T3) ½ giá trị thửa đất 126 với số tiền là 46.080.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

3.2/ Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ giao cho bà JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3) số tiền là 46.080.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bà T1 về việc buộc các nguyên đơn di dời mồ mả của ông Nguyễn Văn X và Nguyễn Văn H2 khỏi thửa đất số 28294.08.126.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan JUAN SHIN CHING TSUI (Nguyễn Thị Thanh T3) có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bà T3 xin nhận thừa kế là quyền sử dụng đất gắn liền 02 ngôi mộ diện tích 36,9m^2 thuộc một phần thửa

126, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2 vì không đủ điều kiện tách thửa theo quy định; đề nghị xem xét cho bà T3 và bà T1 cùng quyền sử dụng thửa 126 để thuận tiện việc chăm sóc phần mộ của người thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, yêu cầu kháng cáo; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T3 giữ nguyên yêu cầu độc lập, yêu cầu kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; lời trình bày của các đương sự, nghe quan điểm của kiểm sát viên và những quy định pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3) đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết.

[2] Các nguyên đơn ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L và bà Nguyễn Thị Thanh N và bị đơn bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan JUAN S(Nguyễn Thị Thanh T3)* xin nhận thừa kế là quyền sử dụng đất gắn liền 02 ngôi mộ diện tích 36,9m^2 thuộc một phần thửa 126, trong trường hợp không đủ điều kiện tách thửa theo quy định thì xin xem xét cho bà T3 và bà T1 cùng quyền sử dụng thửa 126 để thuận tiện việc chăm sóc phần mộ của người thân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] *Về người thừa kế:* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất cụ Nguyễn Văn B1 (sinh năm 1921 - mất năm 2002); Vợ là cụ Nguyễn Thị B2 (sinh năm 1923 - mất năm 1997). Cụ B1 và cụ B2 có 04 người con gồm: ông Nguyễn Văn L1 (chết năm 1963– không có vợ con); Bà Nguyễn Thị M; Bà Nguyễn Thị T1; Ông Nguyễn Văn X (sinh năm 1944 - mất năm 1995), có vợ bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1945 - mất năm 2014) có 07 người con gồm: ông Nguyễn Văn H2, mất năm 1992 (không vợ con); ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh T3 và bà Nguyễn Thị Thanh N. Tại cấp sơ thẩm các đương sự không

cung cấp thông tin của ông Nguyễn Văn L1 nên cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế của cụ B1 và cụ B2 có 03 người. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có mặt đều thống nhất ông Nguyễn Văn L1 đã chết năm 1963 và không có vợ con, cho nên việc không đưa ông Lê V tham gia tố tụng trong vụ án này tuy là thiếu sót của cấp sơ thẩm nhưng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án và không làm thay đổi nội dung vụ án, cấp phúc thẩm xác định lại hàng thừa kế của cụ B1 và cụ B2 đúng quy định tại Điều 651, 652 Bộ luật Dân sự.

[3.2] *Tài sản tranh chấp:* Các đương sự tranh chấp di sản còn lại của cụ B1 và cụ B2 là thửa đất 126, diện tích 76,8m², mục đích sử dụng: đất nghĩa địa; Địa chỉ thửa đất khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCNQSDĐ H04068V-P.3 do Ủy ban nhân dân thị xã G cấp ngày 31/8/2007 cho bà Nguyễn Thị T1 trên cơ sở bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị M phân chia di sản của cụ B1 và cụ B2 chết để lại, không bao gồm phần đất đã chuyển nhượng cho người khác theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 97/2006/QĐST-DS ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, có nội dung: "*Bà T1 được quyền sở hữu ngôi nhà số F T, khu phố C, phường C, thị xã G và được quyền sử dụng phần diện tích thừa kế còn lại của Nguyễn Văn B1"* (Bút lục 175).

[3.3] *Cấp sơ thẩm nhận định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà T3 vì các căn cứ:*

Theo trích lục hồ sơ giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của đương sự số 97/2006/QĐDST-DS ngày 27/12/2006 của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang giữa bà Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị M phân chia di sản của cụ B1 và cụ B2 chết để lại và không có di chúc, thể hiện ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N đều có lời khai từ chối không nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B1 và có đơn xin không tranh chấp di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn B1 theo Điều 620 Bộ luật Dân sự nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

Các đương sự đều thừa nhận tại thời điểm giải quyết tranh chấp chia di sản thừa kế giữa bà T1 và bà M thì bà Nguyễn Thị Thanh T3 (người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Văn X) đang sinh sống tại Đài Loan, bà T3 không được đưa vào tham gia tố tụng và không được thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bà T3. Nay bà T3 yêu cầu được nhận phần đất có hai ngôi mộ diện tích 36,9m^2 thuộc thửa đất 126; Trong trường hợp không đủ điều kiện tách thửa theo quy định thì xin xem xét cho bà T3 và bà T1 cùng quyền sử dụng thửa 126 để thuận tiện việc chăm sóc phần mộ của người thân. Theo sơ đồ đo đạc phần đất tranh chấp ngày 17/6/2025 (Bút lục 188), phần đất có hai ngôi mộ diện tích 36,9m^2, phần đất bà T1 cất nhà ở diện tích 39,9m^2. Theo quy định tại Quyết định số 40/2024/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh T (nay là Ủy ban nhân dân tỉnh Đ) không đủ điều kiện tách thửa và bà T1 cũng không đồng ý cùng đứng tên quyền sử

dụng đất chung với bà T3; Và theo Điều 652, Khoản 1 Điều 662 Bộ luật Dân sự "*Trường hợp đã phân chia di sản mà xuất hiện người thừa kế mới thì không thực hiện việc phân chia lại di sản bằng hiện vật, nhưng những người thừa kế đã nhận di sản phải thanh toán cho người thừa kế mới một khoản tiền tương ứng với phần di sản của người đó tại thời điểm chia thừa kế theo tỷ lệ tương ứng với phần di sản đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*". Nên cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà T3, chia cho bà T3 một kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn X bằng giá trị: Giá trị quyền sử dụng đất thửa 126, diện tích 76,8m^2 x 1.200.000 đồng/m^2 = 92.160.000 đồng; Bà T1 được chia phần nhà và đất thuộc thửa 126 nên có nghĩa vụ chia lại bà T3 ½ giá trị đất là 46.080.000 đồng là có căn cứ.

[4] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1:* Theo Biên bản về việc xem xét thẩm định tại chỗ ngày 22/5/2025 của TAND thành phố Gò Công (Bút lục 184) thể hiện trên thửa đất 126, diện tích 76,8m^2, mục đích sử dụng là đất nghĩa địa, có 02 ngôi mộ: 01 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn X, chôn cất năm 1995, 01 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn H2 (con ông X), chôn cất năm 1992. Cấp sơ thẩm nhận định theo phong tục tập quán của người Việt Nam mồ mã là bất khả xâm phạm, việc xâm phạm mồ mã của người khác còn vi phạm pháp luật hình sự và hơn nữa hai ngôi mộ này đã tồn tại trước khi bà T1 được chia thừa kế thửa đất 126, khi bà T1 được chia thừa kế bà cũng biết trên thửa đất của bà có hai ngôi mộ bà không ý kiến gì nay yêu cầu di dời là không có căn cứ nên cần giữ lại hai ngôi mộ là phù hợp và có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Xét ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2026/DS-ST ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực X, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ Điều 281, Điều 620, Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 662 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 9, khoản 14 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N về việc yêu cầu chia di sản là thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 36,9m^2 trong tổng diện tích 76,8m^2, đất tại khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N di dời hai ngôi mộ ra khỏi thửa đất số 126, tờ bản đồ số 8, loại đất nghĩa địa, diện tích 76,8m^2, đất tại khu phố H, phường L, tỉnh Đồng Tháp.

3/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của bà J (Nguyễn Thị Thanh T3).

3.1/ Chia cho bà J (Nguyễn Thị Thanh T3) ½ giá trị thửa đất 126 với số tiền là 46.080.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

3.2/ Buộc bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ giao cho bà JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3) số tiền là 46.080.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu không trăm tám mươi nghìn đồng*).

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng (*Một triệu ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001324 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, ông Nguyễn Quang H, ông Nguyễn Thanh B, ông Nguyễn Hồng T, bà Nguyễn Thị Thanh L, bà Nguyễn Thị Thanh N được hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*).

- Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị T.

- Bà JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3) chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.304.000 đồng (*Hai triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.304.000 đồng (*Hai triệu ba trăm linh bốn nghìn đồng*) theo biên lai số 0001610 ngày 15/8/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, bà J (Nguyễn Thị Thanh T3) đã nộp đủ án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà T1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà JUAN S (Nguyễn Thị Thanh T3) phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền đóng tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001810 ngày 29/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên bà đã nộp xong.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- TAND Khu vực X- Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng THADS Khu vực X- Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Cổng thông tin điện tử:
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải